

BẢNG TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Quyền lợi bảo hiểm tối đa cho mỗi chương trình	Chương trình bảo hiểm (VND)		
	Bạc	Vàng	Kim Cương
	1.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000
A - Bảo hiểm tai nạn cá nhân			
1. Tử vong do tai nạn	1.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000
<i>Giới hạn phụ áp dụng cho trẻ em được bảo hiểm theo Gói gia đình</i>	<i>500.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
2. Thương tật vĩnh viễn do tai nạn	1.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000
<i>Giới hạn phụ áp dụng cho trẻ em được bảo hiểm theo Gói gia đình</i>	<i>500.000.000</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
B - Bảo hiểm chi phí y tế			
3. Chi phí y tế cho tai nạn và ốm đau, chi phí nha khoa do tai nạn			
3.1 Chi phí điều trị nội trú: Giới hạn chính áp dụng đối với các chi phí điều trị nội trú, phẫu thuật, xe cứu thương và nhân viên y tế đi kèm, xét nghiệm...Đây là giới hạn cho tất cả các chi phí phát sinh theo phần này.	1.000.000.000	1.400.000.000	2.000.000.000
3.2 Chi phí điều trị ngoại trú: Chi phí điều trị ngoại trú, bao gồm chi phí khám bệnh, thuốc kê theo đơn của bác sĩ điều trị, chụp X-quang, xét nghiệm theo chỉ định. Mức miễn thường 1.000.000 đ (Một triệu đồng) cho một lần điều trị.	50.000.000	70.000.000	100.000.000
3.3 Chi phí y tế do thai sản: Bồi thường chi phí y tế liên quan đến bệnh tật do thai sản khi đang ở nước ngoài.	100.000.000	140.000.000	200.000.000
3.4 Chi phí Điều trị tiếp theo			
Chi phí y tế phát sinh trong lãnh thổ Nước xuất hành trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn bảo hiểm.	160.000.000	200.000.000	240.000.000
4. Trợ cấp tiền mặt khi nằm viện: Trả phụ cấp 1.000.000 đ (Một triệu đồng) cho một ngày nằm viện ở nước ngoài.	10.000.000	140.000.000	200.000.000
5. Chi phí cho thân nhân đi thăm: Chi phí đi lại (vé máy bay khứ hồi hạng phổ thông) cho một người thân trong gia đình đi thăm khi Người được bảo hiểm phải nằm viện trên 7 ngày hay ở trong tình trạng không thể qua khỏi hay bị chết.	70.000.000	100.000.000	140.000.000
6. Chi phí đưa trẻ em hồi hương: Chi phí đi lại và ăn ở cần thiết phát sinh thêm cho một trẻ em dưới 14 tuổi để đưa trẻ em đó về Việt Nam hoặc Quê hương.	70.000.000	100.000.000	140.000.000
C – Trợ giúp y tế khẩn cấp			
7. Vận chuyển cấp cứu: Vận chuyển khẩn cấp Người được bảo hiểm tới cơ sở y tế gần nhất có khả năng cung cấp dịch vụ y tế thích hợp.	1.000.000.000	1.400.000.000	2.000.000.000
8. Hồi hương: Chi phí đưa Người được bảo hiểm về Việt Nam hoặc Quê hương (bao gồm cả chi phí cho thiết bị y tế di động và nhân viên y tế đi kèm).	1.000.000.000	1.400.000.000	2.000.000.000
9. Vận chuyển hài cốt/mai táng: Vận chuyển hài cốt của Người được bảo hiểm về Việt Nam hoặc Quê hương hoặc mai táng ngay tại địa phương.	250.000.000	500.000.000	750.000.000
D - Hỗ trợ du lịch			
10. Thiệt hại hành lý và tư trang: Mất mát hay hỏng hành lý và tư trang do bị tai nạn, cướp, trộm cắp hay do vận chuyển nhầm. Giới hạn cho một hạng mục là	20.000.000	30.000.000	50.000.000

5.000.000 đ (Năm triệu đồng)			
11. Hành lý bị trì hoãn: Thanh toán chi phí mua các vật dụng thiết yếu cho vệ sinh cá nhân thiết và quần áo vì lý do hành lý bị trì hoãn	8.000.000	11.000.000	16.000.000
12. Mất giấy tờ thông hành: Chi phí xin cấp lại hộ chiếu, visa đã bị mất cùng chi phí đi lại và ăn ở phát sinh do việc xin cấp lại các giấy tờ đó. Giới hạn bồi thường tối đa một ngày là 10% của mức giới hạn cho của quyền lợi này.	30.000.000	60.000.000	90.000.000
13. Cất ngăn hay hủy bỏ chuyến đi: Tiền đặt cọc không được hoàn lại cho chuyến đi và chi phí đi lại tăng lên vì cất ngăn hay hủy chuyến do Người được bảo hiểm/thành viên trong gia đình/người đi cùng bị chết. ốm đau thương tật nghiêm trọng hoặc Người được bảo hiểm phải ra làm chứng hay hầu toà hoặc được cách ly để kiểm dịch.	100.000.000	200.000.000	300.000.000
14. Lỡ nối chuyến: Thanh toán 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho mỗi 6 tiếng liên tục bị lỡ nối chuyến.	10.000.000	15.000.000	20.000.000
15. Trách nhiệm cá nhân: Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý của Người được bảo hiểm đối với thiệt hại thân thể hay tài sản của bên thứ ba gây ra do lỗi bất cẩn của Người được bảo hiểm. (quyền lợi bảo hiểm này không áp dụng cho việc sử dụng hay thuê xe cộ có động cơ).	1.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000